

TỔNG KẾT TÌNH HÌNH KINH DOANH CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT NĂM 2008

Thực hiện báo cáo

Phòng Nghiên cứu

Công ty Cổ phần Tài Việt - VIETSTOCK

11 Tiền Giang – P.2

Q.Tân Bình – Tp.Hồ Chí Minh

ĐT: (84.8) 3848 7238

Fax: (84.8) 3848 7237

	Tổng số DNNY	KQKD Lợi		KQKD Lỗ	
		Số DN	% Tổng	Số DN	% Tổng
HoSE	169	156	92.3%	13	7.7%
HaSTC	168	158	94.0%	10	6.0%
Toàn thị trường	337	314	93.2%	23	6.8%

Chỉ tiêu (Tỷ VND)	Giá trị lợi nhuận dương	Giá trị lợi nhuận âm	Tổng cộng
HoSE	14,094	(1,091)	13,003
HaSTC	7,557	(1,101)	6,456
Toàn thị trường	21,651	(2,192)	19,459

Chỉ tiêu thị trường	EPS (VND)	BV (VND)	P/E (18/03/2009)	P/BV (18/03/2009)
HoSE	2,143	17,105	11.2	1.41
HaSTC	2,979	18,249	7.6	1.23
Toàn thị trường	2,363	17,406	10.0	1.36

** Số lượng các DNNY được tính đến ngày 31/12/2008 là 337*

Ngoại trừ IFS - do chưa công bố BCTC 2008 - và 4 CCQ niêm yết

NỘI DUNG

1. Tổng quan về quy mô và kết quả hoạt động của các DNNY năm 2008	2
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và chi phí đầu tư tài chính	3
3. Suất sinh lợi của doanh nghiệp giảm mạnh	5
4. Chỉ số thị trường của các DNNY	6
5. Tổng kết và định hướng.....	7
6. Phụ lục.....	9

2008 là một năm đầy biến động với kinh tế Việt Nam và thế giới. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Điều này được thể hiện khá rõ qua kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết (DNNY) trên TTCK Việt Nam trong quý 4 và cả năm 2008.

Cho đến thời điểm này, hầu hết báo cáo tài chính (BCTC) đã công bố của DNNY đều là báo cáo chưa kiểm toán. Do vậy, độ tin cậy của các báo cáo này chưa cao. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp chỉ công bố BCTC tóm tắt nên nhiều khoản mục quan trọng không được thể hiện một cách đầy đủ.

Nổi bật trên BCTC của các DNNY trong năm 2008 đó là việc sụt giảm lợi nhuận, dự phòng các khoản đầu tư tài chính (ĐTTC) và hàng tồn kho (HTK) đều tăng cao. Ngoài ra còn có các điểm nổi bật khác như chi phí lãi vay tăng mạnh, tăng trưởng vốn chủ sở hữu giảm nhiều so với những năm trước.

1. Tổng quan về quy mô và kết quả hoạt động các DNNY năm 2008

Năm 2008, tổng tài sản của toàn thị trường tăng 18.7% so với năm 2007, và vốn chủ sở hữu (VCSH) tăng thấp hơn, chỉ 9.7%. Các công ty trên HoSE có mức tăng trưởng tổng tài sản thấp hơn trên HaSTC, và tổng VCSH giảm nhẹ so với 2007.

ĐVT: Triệu VND

	Tổng tài sản		Vốn chủ sở hữu	
	2008	+/-	2008	+/-
HoSE	297,831,428	11.5%	103,777,441	3.5%
HaSTC	218,792,221	30.6%	39,545,096	31.0%
Toàn thị trường	516,623,648	18.7%	143,322,536	9.7%

Việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn gần như bị đình trệ trong năm 2008, nhất là đối với các DN có quy mô lớn trên HoSE. Tăng vốn chủ sở hữu và tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp chủ yếu từ lợi nhuận chưa phân phối thông qua hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu. Thêm vào đó, suy giảm lợi nhuận trong năm cũng góp phần vào làm giảm tốc độ tăng của VCSH.

ĐVT: Triệu VND

	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế	
	2008	+/-	2008	+/-
HoSE	190,768,551	27.5%	12,345,924	-30.2%
HaSTC	86,458,983	23.3%	6,229,147	14.3%
Toàn thị trường	277,227,534	26.3%	18,575,071	-21.5%

Doanh thu của toàn thị trường vẫn tăng trưởng cao do giá cả các loại hàng hóa và nguyên vật liệu đã tăng mạnh trong hơn nửa đầu năm 2008. Tuy nhiên, khó khăn trong và ngoài nước, đặc biệt trong những tháng cuối năm, đã tác động đáng kể đến lợi nhuận sau thuế của các DN. Điều này cũng thể hiện rõ nét qua kết quả hoạt động của các DNNY trong quý 4/2008, tạo nên viễn cảnh khá "bi quan" đối với các DN trong năm 2009.

DVT: Triệu VND

	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế	
	Q4-2008	+/- so với Q4-2007	Q4-2008	+/- so với Q4-2007
HoSE	50,625,173	2.2%	(184,001)	-103.8%
HaSTC	19,868,612	30.8%	968,199	-33.0%
Toàn thị trường	70,493,785	6.8%	784,198	-94.3%

Doanh thu các DNNY tại HoSE tăng rất thấp trong quý 4/2008 do tác động nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, lợi nhuận cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2007. Doanh thu của các DNNY trên HaSTC vẫn giữ tốc độ tăng cao so với cùng kỳ, nhưng lợi nhuận vẫn không tránh khỏi sự giảm sút từ tình hình chung. Một phần nguyên nhân là do các doanh nghiệp đã ngấm đòn khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế vào những tháng cuối năm. Thêm vào đó, nhiều doanh nghiệp sử dụng các thủ thuật kế toán để chuyển những khoản thua lỗ vào quý 4. Điều này cũng phần nào cho thấy sự yếu kém trong khả năng quản trị sản xuất kinh doanh của hầu hết các DNNY Việt Nam.

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và chi phí đầu tư tài chính

Năm 2008, giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu biến động mạnh, TTCK sụt giảm nên nhiều doanh nghiệp bị thiệt hại nặng do các khoản trích lập dự phòng HTK và ĐTTC. Bên cạnh đó, căng thẳng lãi suất trong nửa đầu năm 2008 cũng khiến chi phí lãi vay của các DN tăng cao.

2.1 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Năm 2008, tổng giá trị HTK ban đầu (chưa trừ đi khoản dự phòng) của toàn thị trường là 52,726 tỷ đồng, tăng 43.1% so với năm 2007. HTK của các DNNY trên HoSE chiếm 59.02% và HaSTC chiếm 40.98% so với toàn thị trường. Tỷ lệ dự phòng/giá trị HTK toàn thị trường đã tăng từ 0.5% trong năm 2007 lên 2.4% trong năm 2008.

Chi tiết hàng tồn kho 2008

Đvt: tr. VNĐ	Giá trị HTK ban đầu (1)			DP giảm giá HTK (2)			(2)/(1)	
	2008	2007	+/-	2008	2007	+/-	2008	2007
HoSE	31,117,524	23,631,830	31.7%	1,242,572	151,129	722.2%	4.0%	0.6%
% Toàn thị trường	59.02%	64.12%		98.87%	86.93%			
HaSTC	21,608,866	13,224,642	63.4%	14,239	22,719	-37.3%	0.1%	0.2%
% Toàn thị trường	40.98%	35.88%		1.13%	13.07%			
Toàn thị trường	52,726,390	36,856,471	43.1%	1,256,811	173,847	622.9%	2.4%	0.5%

Tại HaSTC, tổng khoản trích lập dự phòng chỉ chiếm 1.13% toàn thị trường và giảm 37.3% trong khi giá trị HTK tăng tới 63.4%. Đây là điều rất vô lý trong bối cảnh giá hàng hóa giảm mạnh vào cuối năm 2008. Nguyên nhân do BCTC quý 4/2008 của các DNNY trên HaSTC phần lớn là báo cáo tóm tắt, không chi tiết khoản dự phòng HTK. Do vậy, số liệu này tại HaSTC không mang tính đại diện cao như tại HoSE.

Theo số liệu thống kê, tổng giá trị HTK năm 2008 của các DNNY trên HoSE là 31,117 tỷ đồng, tăng 31.7% so với năm trước. Tuy nhiên, khoản trích lập dự phòng lại lên đến 1,242

tỷ đồng, tăng 722.2% so với năm 2007 khiến tỷ lệ dự phòng/HTK tăng từ 0.6% lên 4%.

Mặc dù vậy, con số này chưa phản ứng đúng thực tế do có 32 DNNY tại HoSE chưa công bố BCTC chi tiết, vì vậy chưa thể xác định được giá trị dự phòng HTK của các doanh nghiệp này. Hơn nữa, BCTC quý 4 chủ yếu là chưa kiểm toán, vì vậy không ngoại trừ trường hợp có nhiều doanh nghiệp chưa trích đúng và đủ khoản dự phòng này.

Kinh tế khó khăn trong năm 2008 khiến nhu cầu tiêu thụ nhiều mặt hàng sụt giảm đột ngột, nhiều DN điều chỉnh với lượng HTK tăng cao. Hơn nữa, việc dự báo biến động của giá cả còn yếu kém nên nhiều DN đã nhập nguyên liệu, sản phẩm lúc giá cao. Khi giá giảm, các doanh nghiệp phải tăng khoản trích lập giảm giá HTK. Đây là nguyên nhân chính khiến chi phí này của các DNNY tăng cao.

2.2 Chi phí tài chính tăng đột biến

Thông tin liên quan đến chi phí tài chính

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	2007			2008		
	CP Tài chính	CP Lãi vay	Tỷ trọng	CP Tài chính	CP Lãi vay	Tỷ trọng
HoSE	3,029,939	1,704,949	56.3%	12,141,250	3,378,058	27.8%
Số lượng DN	162	130	80.2%	164	132	80.5%
HaSTC	1,514,074	1,014,663	67.0%	3,135,741	575,433	18.4%
Số lượng DN	141	113	80.1%	156	50	32.1%
Toàn thị trường	4,544,128	2,719,612	59.8%	15,277,112	3,953,492	25.9%
Số lượng DN	303	243	80.2%	320	182	56.9%

Theo các BCTC công bố của 327 DNNY trên TTCK Việt Nam đến ngày 31/12/2008 (trừ 10 DNNY thuộc lĩnh vực tài chính, 4 Chứng chỉ quỹ và IFS), có 320 DN có chi phí tài chính với tổng số tiền 15,277 tỷ, tăng đột biến so với 4,544 tỷ của năm 2007.

Hiện chỉ có 50/156 DNNY tại HaSTC công bố chi phí lãi vay, do vậy con số tổng chi phí lãi vay tại đây cũng không mang tính đại diện cao như tại HoSE.

Tình trạng căng thẳng lãi suất trong năm 2008 góp phần đẩy chi phí lãi vay của các DNNY trên HoSE tăng đột biến từ 1,700 tỷ năm 2007 lên gần 3,400 tỷ năm 2008. Tuy nhiên, giá trị này chỉ chiếm khoảng 28% tổng CPTC. Ngoại trừ một số các DN đánh giá lại các khoản vay ngoại tệ (như CTCP Nhiệt điện Phả Lại – PPC), thì phần lớn còn lại là khoản lỗ do ĐTTC (bao gồm các khoản trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản lỗ thực trong hoạt động đầu tư).

Sự tăng trưởng mạnh của TTCK trong năm 2006 và 2007 làm cho ĐTTC trở thành mảng hoạt động mang đến lợi nhuận cao cho nhiều doanh nghiệp. Các doanh nghiệp hầu hết đều tham gia vào TTCK nhằm tìm kiếm lợi nhuận vượt trội so với mảng kinh doanh chính của mình. Chính vì vậy, diễn biến xấu của TTCK trong năm 2008 đã làm không ít doanh nghiệp điều chỉnh. Nhiều doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chính vẫn duy trì được lợi nhuận cao, song hoạt động tài chính đã cuốn phăng mọi thành quả do hoạt động kinh doanh chính mang lại. Điển hình cho tình trạng này là CTCP Nước giải khát Sài Gòn - TRI và CTCP Cơ Điện Lạnh – REE. Hoạt động tự doanh của các công ty chứng khoán cũng

hiến các công ty này lỗ hàng trăm tỷ đồng trong năm 2008 (HPC, KLS, BVS...).

Trong số 142 DNNY đã công bố BCTC chi tiết trên HoSE, chỉ 67 DN có số liệu trích lập dự phòng, trong đó 43 DN dự phòng ĐTTC Ngắn hạn và 47 DN dự phòng ĐTTC Dài hạn.

Chỉ tiêu	2008
ĐTTC Ngắn hạn	2,769,092
Dự phòng ĐTTC Ngắn hạn	(1,058,334)
Dự phòng ĐTTC Ngắn hạn/ĐTTC Ngắn hạn	27.65%
ĐTTC Dài hạn	9,493,202
Dự phòng ĐTTC Dài hạn	(1,224,868)
Dự phòng ĐTTC Dài hạn/ĐTTC Dài hạn	11.43%

ĐVT: Triệu VND

Năm 2008, chỉ số chứng khoán VN-Index và HaSTC-Index đã giảm gần 70%. Cũng có thể nói giá cổ phiếu bình quân của các công ty niêm yết cũng giảm ở một tỷ lệ tương ứng. Tuy không có số liệu thống kê đáng tin cậy về giá cổ phiếu các doanh nghiệp chưa niêm yết, nhưng tỷ lệ giảm cũng không thể thấp hơn so với các DNNY. Trong khi không có nhiều doanh nghiệp được mua cổ phiếu với giá thấp hơn giá thị trường, thì việc trích lập dự phòng ĐTTC ngắn hạn của các DNNY trên HoSE chỉ có khoảng 27% tổng giá trị đầu tư ban đầu dường như chưa phản ánh đúng việc giảm giá của các chứng khoán. Điều này cũng do còn một số DNNY chưa công bố BCTC chi tiết và hầu hết là BCTC công bố là chưa kiểm toán nên việc trích lập dự phòng không tránh khỏi nhiều thiếu sót.

Các khoản dự phòng giảm giá do ĐTTC của các DNNY trên HoSE (ngoại trừ khối tài chính) tương đương 2.67% vốn chủ sở hữu toàn thị trường. Điều đó cũng có nghĩa là dự phòng ĐTTC đã làm cho ROE trung bình của thị trường giảm khoảng 2.67%.

Chỉ tiêu	2007	2008
Dự phòng ĐTTC/ VCSH	0.29%	2.67%
ĐTTC/ VCSH	32.85%	37.70%
ĐTTC Ngắn hạn/ Tổng ĐTTC	37.82%	36.99%

Phong trào các doanh nghiệp mở rộng hoạt động ĐTTC thông qua các hình thức đầu tư chứng khoán hoặc góp vốn vào công ty khác thể hiện qua tỷ lệ ĐTTC khá lớn trong VCSH. Năm 2007 các khoản ĐTTC của doanh nghiệp chiếm đến 32.46% VCSH. Năm 2008, mặc dù giá chứng khoán đã giảm mạnh nhưng ĐTTC vẫn chiếm đến 37.7% VCSH.

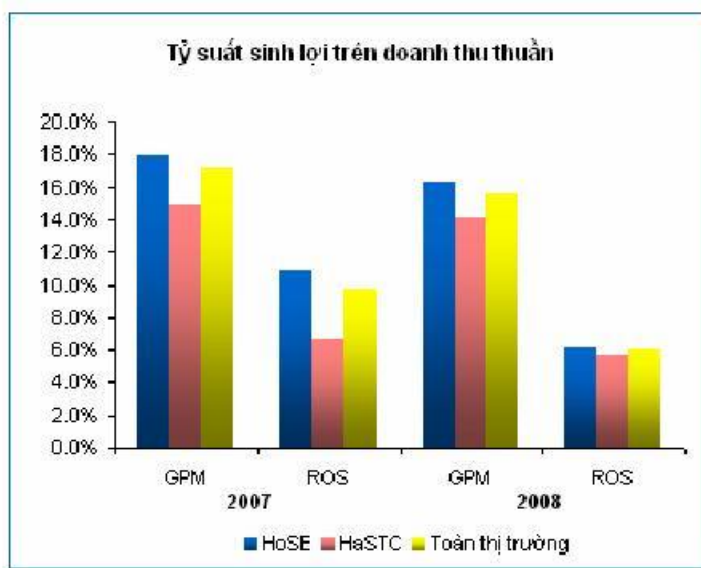
3. Suất sinh lợi của doanh nghiệp giảm mạnh

Tình hình kinh tế năm 2008 rất khó khăn nên việc sử dụng vốn không còn hiệu quả cao như năm 2007 nữa. Mặc dù tỷ lệ nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu đã tăng từ 1.10 lên 1.37 lần nhưng tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) vẫn giảm mạnh từ 23.5% xuống 14.6% trong năm 2008. Tỷ suất trên tổng tài sản (ROA) cũng giảm mạnh từ 11.1% xuống 6.4%.

Chỉ tiêu	2007	2008
Nợ phải trả/Vốn CSH	1.10	1.37
ROE	23.5%	14.6%
ROA	11.1%	6.4%

(Không bao gồm các doanh nghiệp trong ngành tài chính)

Lợi nhuận gộp biên (GPM) và tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (ROS) cũng giảm so với năm 2007. GPM₂₀₀₈ là 15.6% trong khi 2007 là 17.1%, tương tự ROS cũng giảm từ 9.7% xuống 6.0% trong năm 2008. Các khoản trích lập dự phòng hàng tồn kho, chi phí tài chính tăng đột biến cùng với chi phí đầu vào tăng cao là những nguyên nhân chính khiến các tỷ suất này giảm so với năm 2007. Đặc biệt, các DNNY tại HoSE luôn có GPM và ROS cao hơn so với các DNNY tại HaSTC.



4. Chỉ số thị trường của các DNNY

Chỉ số thị trường là một trong các bộ chỉ số quan trọng nhất trong các quyết định mua bán của nhà đầu tư. Năm 2008, giá cổ phiếu của các công ty niêm yết sụt giảm làm cho các chỉ số thị trường của các công ty cũng có sự thay đổi mạnh.

	Điểm		Vốn hóa thị trường (tỷ USD)	
	02/01/08	31/12/08	02/01/2008	31/12/08
VN-Index	921.07	318.62	22.70	9.70
Ha-Index	322.24	105.12	7.90	2.80
Toàn thị trường			30.70	12.50

Như vậy chỉ trong vòng một năm vốn hóa của TTCK đã giảm gần 4 lần¹. Hiện nay trên thị trường chỉ có 3 công ty có mức vốn hóa lớn hơn 10 nghìn tỷ đồng là ACB, VNM và DPM.

Năm	EPS			P/E		
	2006	2007	2008	28/12/07	31/12/08	18/03/09
Hose	3,147	3,174	2,143	22.87	13.05	11.22
Hastc	2,432	3,373	2,979	21.59	7.75	7.55
Toàn thị trường	2,986	3,225	2,363	22.53	11.29	10.00

Thu nhập cho mỗi cổ phần (EPS) từ mức 3,344 đồng năm 2007, giảm xuống còn 2,363 đồng vào năm 2008. Chỉ số giá trên thu nhập mỗi cổ phần (P/E) từ 21.73 lần vào ngày

¹ Chỉ tính 252 DNNY từ đầu năm 2008

28/12/2007, đến ngày 31/12/2008 chỉ còn 11.29 lần và ngày 18/03/2009 là 10 lần.

18/03/09 có đến 64 cổ phiếu có chỉ số P/E nhỏ hơn 4 và 21 cổ phiếu có P/E nhỏ hơn 3 (không tính 23 doanh nghiệp thua lỗ).

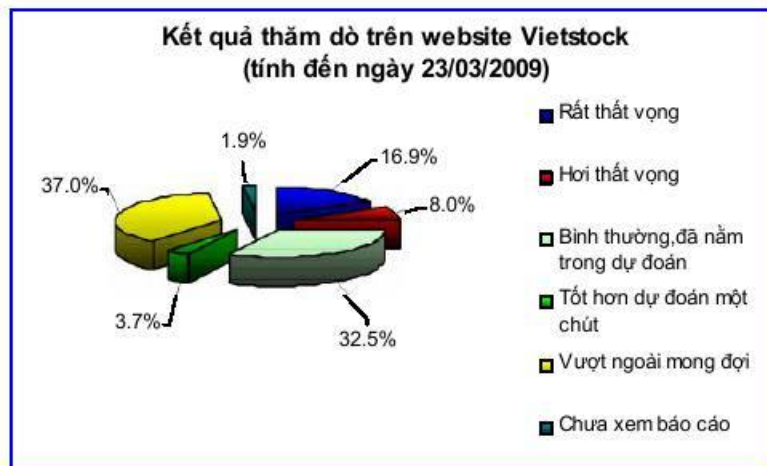
Vậy tại sao nhiều doanh nghiệp có P/E thấp như vậy? Nguyên nhân có thể xuất phát từ sự thiếu minh bạch của các DNNY làm cho các nhà đầu tư e ngại. Ngoài ra P/E thấp cũng có thể nhà đầu tư nhận ra những khoản lỗ tiềm năng của doanh nghiệp hoặc triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp không sáng sủa.

5. Tổng kết và định hướng

Năm 2008, những khó khăn của nền kinh tế đã thể hiện trong kết quả kinh doanh của các DNNY. Mặc dù doanh thu toàn thị trường tăng 40.3% nhưng do giá vốn hàng bán tăng, các khoản lỗ từ ĐTTC, trích lập dự phòng HTK đã kéo lợi nhuận sau thuế của toàn thị trường giảm hơn 15.6% so với năm 2007.

Kết quả kinh doanh quý 4 vừa công bố đang dự báo một năm 2009 đầy ảm đạm. Tăng trưởng doanh thu chỉ đạt 6.8%, lợi nhuận sụt giảm 94.3% so với cùng kỳ năm 2007. Điều này xuất phát từ hai lý do: tác động từ cuộc suy thoái và việc hạch toán chi phí của các doanh nghiệp.

Dù vậy, kết quả kinh doanh này gần như đã nằm trong dự đoán của hầu hết các nhà đầu tư. Thăm dò của Vietstock đến hơn 1,700 nhà đầu tư cho thấy đa số đã đoán trước được tình hình này, thậm chí có đến 37.0% (tỷ lệ lớn nhất) cho rằng kết quả này vượt ngoài mong đợi. Điều này chứng tỏ tâm lý các nhà đầu tư đã quá bi quan trước những khó khăn chung của nền kinh tế. Điều này cũng lý giải cho việc TTCK Việt Nam là một trong những thị trường có sự sụt giảm mạnh nhất trong năm 2008.



Định hướng đầu tư

Kinh tế thế giới vẫn đang chìm sâu vào suy thoái và rủi ro trong hệ thống tài chính còn hiện diện. Kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng này và chưa có dấu hiệu phục hồi. Nhiều ngành kinh tế đang gặp khó khăn, tuy nhiên vẫn có một số ngành ít chịu tác động của cuộc khủng hoảng hiện nay và có tiềm năng sinh lời.

Mặc dù, chính phủ của nhiều quốc gia đang có những hành động quyết liệt để cứu vãn kinh tế nhưng cho đến hiện nay kinh tế thế giới vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo kinh tế toàn cầu chỉ tăng trưởng 0.5% trong năm 2009. Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo thương mại toàn cầu sẽ co hẹp trong năm nay. Triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam cũng không sáng sủa. IMF dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ 4.75% vào năm 2009, trong khi đó The Economist Intelligence Unit (EIU) dự báo kinh tế Việt Nam chỉ tăng trưởng 0.3% vào năm 2009 và chỉ 1% vào năm 2010. Những chỉ số kinh tế 3 tháng đầu năm cũng chưa có dấu hiệu khả quan. Kim ngạch nhập khẩu giảm, xuất khẩu tăng trưởng không đáng kể, nhiều mặt hàng quan trọng sụt giảm mạnh... Kim ngạch xuất khẩu tăng 2.4%, nhưng chủ yếu là do kim ngạch xuất khẩu kim loại quý đã chiếm đến 18% và xuất khẩu giảm 45%. Tăng trưởng sản xuất công nghiệp 2 tháng đầu năm chỉ đạt 2.5%. Tăng trưởng kinh tế trong quý 1 dự báo chỉ là 3.1%.

Thực trạng trên cho thấy kinh tế trong nước sẽ còn đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2009. Kết quả kinh doanh của các ngành phụ thuộc nhiều vào sự phục hồi của nền kinh tế và những chính sách hỗ trợ từ chính phủ.

Từ những thông tin và phân tích ở trên chúng tôi đưa ra một số nhận định về triển vọng của một số ngành kinh tế như sau:

Những ngành chịu nhiều tác động từ cuộc khủng hoảng

Các lĩnh vực phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu như dệt may, cao su, thủy sản... chịu nhiều tác động do sự sụt giảm mạnh nhu cầu từ các thị trường lớn. Các ngành khác như thép, vật liệu xây dựng, chịu nhiều tác động do nhu cầu xây dựng sụt giảm và sự cạnh tranh khốc liệt của hàng ngoại nhập. Xây dựng cũng sẽ đối mặt với nhiều khó khăn do thị trường bất động sản đóng băng, kinh tế đi xuống. Tuy nhiên một số công ty trong ngành xây dựng và bất động sản vẫn có khả năng tìm kiếm được lợi nhuận cao do tận dụng được những cơ hội khi giá nhà đất sụt giảm. Ngoài ra, chính sách kích cầu chính phủ tăng chi tiêu vào phát triển cơ sở hạ tầng sẽ là cơ hội cho một số công ty trong ngành này.

Những ngành có nhiều triển vọng khi nền kinh tế phục hồi

Một số ngành có mức độ rủi ro cao nhưng cũng có triển vọng tăng trưởng vượt bậc như ngành ngân hàng, chứng khoán. Ngành ngân hàng đang được "hưởng lợi" từ gói kích cầu hỗ trợ lãi suất của chính phủ. Chính sách này phần nào khơi thông và tạo tăng trưởng tín dụng trong hệ thống ngân hàng. Khi kinh tế phục hồi, ngân hàng sẽ trở thành một ngành có tiềm năng phát triển rất lớn.

Năm 2008, đã có đến 3 trong 4 công ty chứng khoán niêm yết thua lỗ, nhiều công ty chứng

khoản khác cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Năm 2009 tiếp tục là một năm đầy thử thách đối với ngành chứng khoán. Nếu TTCK Việt Nam khởi sắc cùng sự hồi phục của nền kinh tế thì đây sẽ là động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho các công ty chứng khoán. Điều này sẽ giúp ngành chứng khoán trở lại là một lựa chọn ưu tiên đối với các nhà đầu tư.

Những ngành có thể đứng vững trong thời kỳ khủng hoảng

Ngành liên quan đến tiện ích công và các hàng hóa thiết yếu vẫn có thể duy trì được kết quả kinh doanh khả quan như: ngành điện, dược phẩm, nông nghiệp, thực phẩm, và một số nhóm công ty trong ngành thương mại. Kết quả kinh doanh của ngành điện trong năm 2008 không cao do Công ty Nhiệt điện Phả Lại (PPC) chiếm tỷ trọng lớn trong ngành điện bị lỗ do đánh giá lại khoản vay bằng ngoại tệ. Các doanh nghiệp còn lại trong ngành điện đều có kết quả tốt. Giá điện tăng trong năm 2009 nên ngành điện vẫn tiếp tục duy trì được doanh thu và lợi nhuận bất chấp sự khó khăn của nền kinh tế. Ngành dược phẩm, nông nghiệp và thực phẩm cũng sẽ là những ngành hàng thiết yếu, ít chịu ảnh hưởng do kinh tế tăng trưởng chậm lại cho nên sẽ hứa hẹn có doanh thu và lợi nhuận ổn định.

Nhà đầu tư có thể lựa chọn ngành, công ty tùy theo chiến lược và khả năng của mình. Quan điểm của chúng tôi cho rằng trong thời điểm triển vọng kinh tế còn chưa rõ ràng, thị trường chứng khoán có nhiều biến động, nhà đầu tư e ngại rủi ro, có thể đầu tư vào những công ty thuộc những ngành có tính ổn định cao để bảo tồn vốn và duy trì lợi nhuận. Những nhà đầu tư ưa mạo hiểm, nhạy bén có thể tìm kiếm lợi nhuận ở những ngành rủi ro, nhưng có triển vọng phát triển nhanh trong tương lai.

3. Phụ lục

Ngành	2008			
	Tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận	VCSH
Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp	1,192,326	2,170,981	113,696	584,370
Khai khoáng	22,827,247	21,705,121	2,032,021	6,079,245
Tiện ích công cộng	17,563,265	7,525,978	469,914	7,363,531
Xây dựng	52,328,798	30,211,288	1,655,394	12,505,600
Bất động sản	31,643,009	7,714,795	2,048,776	15,652,562
SX Thực phẩm	14,905,360	18,810,383	1,601,561	10,612,887
SX Đồ uống	1,120,516	1,784,745	(86,458)	346,515
SX Thuốc lá	583,671	1,348,976	61,417	231,563
SX Thủy sản	10,687,786	15,285,903	394,145	5,177,771
SX Dệt may - Giày da	694,263	2,439,294	82,357	227,849
SX Gỗ và SP từ gỗ	2,748,276	1,636,278	69,916	1,237,012
SX Giấy và SP in ấn	2,335,816	2,567,849	28,205	1,331,379
SX Dược phẩm	3,778,166	5,254,956	411,442	2,624,283
SX Nhựa	3,032,884	4,744,656	300,994	2,085,643
SX Cao su	2,970,010	3,064,054	579,638	1,884,968
SX Hóa chất	6,662,751	7,770,554	1,439,900	5,158,435
SX VLXD	21,055,620	11,857,000	731,086	5,785,497
SX Thép	10,104,738	19,853,459	1,120,394	5,157,213
SX Cơ khí	972,161	735,481	40,118	150,217
SX TB điện - Điện tử - Viễn thông	9,785,775	8,978,449	3,592	6,564,917
SX khác	1,894,646	6,194,182	58,023	602,833
Thương mại (Bán sỉ)	1,596,895	5,595,517	110,598	536,907
Thương mại (Bán lẻ)	16,512,876	66,348,173	1,582,476	6,653,978
Vận tải - Kho bãi	25,313,723	13,025,472	844,008	9,113,756
CNTT - Truyền thông	1,985,907	1,929,750	123,455	1,050,709
Ngân hàng	182,751,394	20,695,551	3,626,008	13,738,392
Chứng khoán	53,574,261	3,987,791	(595,158)	12,097,818
Bảo hiểm	10,889,474	2,606,629	473,948	6,411,936
Dịch vụ chuyên môn, KH và CN	731,572	314,522	62,300	291,354
DV Lưu trú và Giải trí	4,166,290	681,889	53,601	1,878,204
Khác	214,172	125,832	21,503	185,191
Toàn thị trường	516,623,648	296,965,509	19,458,872	143,322,536

Ngành	GPM		ROS	
	2007	2008	2007	2008
SX nông - lâm - ngư nghiệp	14.2%	13.9%	4.7%	5.4%
Khai khoáng	16.3%	17.7%	8.8%	9.4%
Tiện ích công cộng	31.3%	33.0%	24.2%	7.8%
Xây dựng	15.4%	13.1%	8.7%	5.6%
Bất động sản	43.0%	43.3%	45.0%	30.0%
SX Thực phẩm	21.0%	21.9%	11.6%	8.6%
SX Đồ uống	25.1%	21.7%	8.5%	-5.7%
SX Thuốc lá	10.4%	10.8%	5.1%	4.6%
SX Thủy sản	15.6%	14.8%	7.2%	2.5%
SX Dệt may - Giấy da	19.6%	18.6%	7.1%	3.4%
SX Gỗ và SP từ gỗ	18.5%	19.2%	8.2%	4.5%
SX Giấy và SP in ấn	11.6%	10.7%	8.6%	1.1%
SX Dược phẩm	28.9%	29.8%	8.2%	8.5%
SX Nhựa	16.8%	16.6%	9.2%	6.4%
SX Cao su	27.0%	23.8%	22.9%	19.1%
SX Hóa chất	32.9%	27.4%	28.5%	20.0%
SX VLXD	22.6%	19.2%	7.6%	7.5%
SX Thép	13.7%	12.6%	7.3%	5.7%
SX Cơ khí	15.0%	16.2%	5.0%	5.5%
SX Thiết bị điện - Điện tử - Viễn thông	15.2%	10.6%	8.4%	0.0%
SX khác	11.8%	14.9%	2.2%	0.9%
Thương mại (Bán sỉ)	9.2%	8.8%	3.1%	2.0%
Thương mại (Bán lẻ)	9.2%	8.6%	3.8%	2.4%
Vận tải - Kho bãi	17.8%	18.0%	12.9%	6.5%
CNTT - Truyền thông	19.7%	14.5%	12.3%	7.3%
Ngân hàng			17.8%	11.2%
Chứng khoán	76.1%	-35.3%	61.3%	-34.7%
Bảo hiểm	30.5%	28.2%	25.7%	19.3%
Dịch vụ chuyên môn, KH và CN	31.1%	25.0%	17.6%	20.1%
DV Lưu trú và Giải trí	45.7%	40.8%	24.7%	8.1%
HoSE	17.9%	16.3%	10.9%	6.1%
HaSTC	14.9%	14.1%	6.6%	5.7%
Toàn thị trường	17.1%	15.6%	9.7%	6.0%

Ngành	ROA		ROE	
	2007	2008	2007	2008
SX nông - lâm - ngư nghiệp	7.9%	10.9%	19.8%	24.7%
Khai khoáng	11.2%	11.3%	36.2%	38.8%
Tiện ích công cộng	8.6%	2.8%	19.3%	6.2%
Xây dựng	9.3%	3.5%	27.9%	14.0%
Bất động sản	15.8%	10.6%	26.8%	18.6%
SX Thực phẩm	15.3%	10.8%	21.4%	15.1%
SX Đồ uống	8.7%	-5.7%	18.2%	-14.4%
SX Thuốc lá	11.2%	11.1%	32.7%	29.4%
SX Thủy sản	13.3%	3.8%	23.1%	7.5%
SX Dệt may - Giấy da	8.7%	5.9%	25.4%	16.5%
SX Gỗ và SP từ gỗ	7.0%	2.8%	14.6%	5.8%
SX Giấy và SP in ấn	10.0%	1.3%	17.0%	2.1%
SX Dược phẩm	12.8%	10.3%	23.6%	15.5%
SX Nhựa	16.0%	10.5%	22.5%	15.0%
SX Cao su	17.2%	18.7%	39.4%	31.0%
SX Hóa chất	20.0%	22.7%	29.6%	29.3%
SX VLXD	5.7%	5.2%	15.3%	16.2%
SX Thép	15.8%	11.2%	32.9%	22.3%
SX Cơ khí	4.4%	4.6%	23.9%	28.9%
SX Thiết bị điện - Điện tử - Viễn thông	9.2%	0.0%	18.0%	0.0%
SX khác	4.6%	3.3%	14.9%	10.5%
Thương mại (Bán sỉ)	13.9%	8.4%	33.6%	21.5%
Thương mại (Bán lẻ)	12.7%	10.4%	31.0%	24.8%
Vận tải - Kho bãi	9.4%	4.1%	21.6%	10.2%
CNTT - Truyền thông	8.1%	4.2%	19.3%	8.4%
Ngân hàng	0.9%	0.7%	9.8%	7.7%
Chứng khoán	14.1%	-6.0%	34.0%	-11.0%
Bảo hiểm	5.2%	4.4%	15.0%	8.8%
Dịch vụ chuyên môn, KH và CN	12.8%	9.6%	34.8%	25.1%
DV Lưu trú và Giải trí	6.6%	1.6%	3.0%	1.4%
HoSE	12.4%	6.9%	23.8%	13.3%
HaSTC	7.4%	5.3%	22.2%	19.3%
Toàn thị trường	11.1%	6.4%	23.5%	14.6%

Ngành	K/n thanh toán hiện hành		K/n thanh toán nhanh	
	2007	2008	2007	2008
SX nông - lâm - ngư nghiệp	1.3	1.7	0.5	1.1
Khai khoáng	1.2	0.9	1.1	0.8
Tiện ích công cộng	2.8	3.4	2.4	3.0
Xây dựng	1.4	1.2	0.8	0.6
Bất động sản	2.5	1.7	2.0	1.0
SX Thực phẩm	2.8	2.3	1.8	1.3
SX Đồ uống	0.9	1.0	0.6	0.7
SX Thuốc lá	1.3	1.5	0.7	0.7
SX Thủy sản	1.7	1.4	1.1	0.7
SX Dệt may - Giấy da	1.1	1.1	0.6	0.5
SX Gỗ và SP từ gỗ	1.6	1.4	0.6	0.5
SX Giấy và SP in ấn	2.3	1.9	1.6	1.3
SX Dược phẩm	2.2	2.7	0.1	0.1
SX Nhựa	2.6	2.5	1.4	1.3
SX Cao su	1.4	1.5	1.1	0.9
SX Hóa chất	1.7	4.8	1.3	2.8
SX VLXD	1.3	2.5	0.7	0.7
SX Thép	1.6	1.7	0.7	0.8
SX Cơ khí	1.1	1.1	0.6	0.6
SX Thiết bị điện - Điện tử - Viễn thông	1.9	2.4	1.1	1.5
SX khác	1.3	1.3	0.7	0.5
Thương mại (Bán sỉ)	1.8	1.4	1.0	0.6
Thương mại (Bán lẻ)	1.3	1.4	0.9	0.9
Vận tải - Kho bãi	1.4	1.2	1.2	1.0
CNTT - Truyền thông	0.9	1.2	0.6	0.8
Dịch vụ chuyên môn, KH và CN	1.8	1.7	1.7	1.3
DV Lưu trú và Giải trí	2.1	2.1	1.9	2.0
HoSE	1.9	1.7	1.3	1.0
HaSTC	1.3	1.3	0.8	0.7
Toàn thị trường	1.6	1.5	1.1	0.9

Top 20 cổ phiếu có BVPS cao nhất năm 2008

Mã	Ngành trực thuộc	Sàn NY	Các chỉ số TC liên quan		
			BVPS	EPS	ROE
VSP	Vận tải - Kho bãi	HaSTC	94,102	18,582	19.7%
TKU	SX Thép	HaSTC	68,042	2,084	3.1%
ABT	SX Thủy sản	HoSE	49,104	5,692	11.6%
AGF	SX Thủy sản	HoSE	48,022	1,172	2.4%
SFI	Vận tải - Kho bãi	HoSE	47,547	12,808	26.9%
TTF	SX Gỗ và SP từ gỗ	HoSE	44,772	1,984	4.4%
IMP	SX Dược phẩm	HoSE	44,301	5,338	12.0%
GMD	Vận tải - Kho bãi	HoSE	42,072	(3,517)	-8.4%
ALT	SX Giấy và SP in ấn	HoSE	41,755	2,361	5.7%
KDC	SX Thực phẩm	HoSE	40,686	2,539	6.2%
TDH	Bất động sản	HoSE	40,013	8,045	20.1%
TCT	Vận tải - Kho bãi	HoSE	39,169	14,167	36.2%
DHG	SX Dược phẩm	HoSE	37,937	6,852	18.1%
LCG	Xây dựng	HoSE	37,818	11,328	30.0%
SD7	Xây dựng	HaSTC	36,239	4,909	13.5%
HBC	Xây dựng	HoSE	35,545	830	2.3%
S55	Xây dựng	HaSTC	35,179	3,135	8.9%
DMC	SX Dược phẩm	HoSE	35,035	4,948	14.1%
DQC	SX Thiết bị điện - Điện tử - Viễn thông	HoSE	35,005	238	0.7%
SAM	SX Thiết bị điện - Điện tử - Viễn thông	HoSE	34,966	(1,063)	-3.0%

Top 20 cổ phiếu có EPS cao nhất năm 2008

Mã	Ngành trực thuộc	Sàn NY	Các chỉ số TC liên quan		
			EPS	BVPS	ROE
DTC	SX VLXD	HaSTC	24,959	32,532	76.7%
VSP	Vận tải - Kho bãi	HaSTC	18,582	94,102	19.7%
HLV	SX VLXD	HaSTC	15,530	26,201	59.3%
TCT	Vận tải - Kho bãi	HoSE	14,167	39,169	36.2%
NBC	Khai khoáng	HaSTC	13,176	25,628	51.4%
SFI	Vận tải - Kho bãi	HoSE	12,808	47,547	26.9%
VTS	SX VLXD	HaSTC	12,750	21,940	58.1%
DAC	SX VLXD	HaSTC	12,001	25,651	46.8%
LCG	Xây dựng	HoSE	11,328	37,818	30.0%
VSC	Vận tải - Kho bãi	HoSE	10,928	29,937	36.5%
NHC	SX VLXD	HoSE	9,496	15,856	59.9%
THT	Khai khoáng	HaSTC	9,037	17,368	52.0%
TC6	Khai khoáng	HaSTC	8,918	16,813	53.0%
VIS	SX Thép	HoSE	8,678	17,877	48.5%
SZL	Xây dựng	HoSE	8,548	21,077	40.6%
TDN	Khai khoáng	HaSTC	8,366	18,912	44.2%
SD5	Xây dựng	HaSTC	8,276	20,387	40.6%
SCJ	SX VLXD	HaSTC	8,221	34,025	24.2%
VDL	SX Đồ uống	HaSTC	8,217	30,658	26.8%
TSC	Thương mại (Bán sỉ)	HoSE	8,159	20,806	39.2%

Top 20 cổ phiếu có ROE cao nhất năm 2008

Mã	Ngành trực thuộc	Sàn NY	Các chỉ số TC liên quan		
			ROE	BVPS	EPS
DTC	SX VLXD	HaSTC	76.7%	32,532	24,959
NHC	SX VLXD	HoSE	59.9%	15,856	9,496
HLY	SX VLXD	HaSTC	59.3%	26,201	15,530
VTS	SX VLXD	HaSTC	58.1%	21,940	12,750
TC6	Khai khoáng	HaSTC	53.0%	16,813	8,918
THT	Khai khoáng	HaSTC	52.0%	17,368	9,037
NBC	Khai khoáng	HaSTC	51.4%	25,628	13,176
ACL	SX Thủy sản	HoSE	49.5%	14,800	7,330
BTC	SX Cơ khí	HoSE	48.6%	10,958	5,326
VIS	SX Thép	HoSE	48.5%	17,877	8,678
DAC	SX VLXD	HaSTC	46.8%	25,651	12,001
FPT	Thương mại (Bán lẻ)	HoSE	44.3%	16,920	7,499
PVD	Khai khoáng	HoSE	44.3%	16,014	7,089
TDN	Khai khoáng	HaSTC	44.2%	18,912	8,366
TCS	Khai khoáng	HaSTC	42.1%	13,903	5,859
SD5	Xây dựng	HaSTC	40.6%	20,387	8,276
SZL	Xây dựng	HoSE	40.6%	21,077	8,548
TRC	SX Cao su	HoSE	40.3%	16,601	6,689
BHV	SX VLXD	HaSTC	39.4%	20,431	8,057
TSC	Thương mại (Bán sỉ)	HoSE	39.2%	20,806	8,159

Top 20 cổ phiếu có EPS thấp nhất năm 2008

Mã	Ngành trực thuộc	Sàn NY	Các chỉ số TC liên quan		
			EPS	BVPS	ROE
TRI	SX Đồ uống	HaSTC	(19,208)	(789)	N/a
BVS	Chứng khoán	HaSTC	(10,064)	23,652	-42.5%
TLT	SX VLXD	HaSTC	(9,868)	5,543	-178.0%
CMC	Xây dựng	HaSTC	(7,576)	12,066	-62.8%
KLS	Chứng khoán	HaSTC	(6,899)	13,601	-50.7%
HPC	Chứng khoán	HaSTC	(5,004)	16,068	-31.1%
HAP	SX Giấy và SP in ấn	HoSE	(4,086)	25,093	-16.3%
TYA	SX Thiết bị điện - Điện tử - Viễn thông	HoSE	(3,956)	7,036	-56.2%
HNH	SX Thực phẩm	HaSTC	(3,770)	12,994	-29.0%
TLC	SX Thiết bị điện - Điện tử - Viễn thông	HaSTC	(3,768)	19,214	-19.6%
VE1	Xây dựng	HaSTC	(3,632)	6,896	-52.7%
GMD	Vận tải - Kho bãi	HoSE	(3,517)	42,072	-8.4%
TPC	SX Nhựa	HoSE	(2,514)	13,473	-18.7%
BHS	SX Thực phẩm	HoSE	(2,335)	17,865	-13.1%
BBT	SX khác	HoSE	(2,060)	7,233	-28.5%
REE	Xây dựng	HoSE	(1,887)	25,850	-7.3%
FPC	Xây dựng	HoSE	(1,346)	25,417	-5.3%
SAM	SX Thiết bị điện - Điện tử - Viễn thông	HoSE	(1,063)	34,966	-3.0%
VHG	SX Thiết bị điện - Điện tử - Viễn thông	HoSE	(681)	17,377	-3.9%
PPC	Tiện ích công cộng	HoSE	(639)	10,570	-6.0%

Top 20 cổ phiếu có P/E thấp nhất năm 2008

Mã	Ngành trực thuộc	Sàn NY	Các chỉ số TC liên quan		
			P/E	BVPS	ROE
HLV	SX VLXD	HaSTC	1.68	26,201	59.3%
DTC	SX VLXD	HaSTC	1.69	32,532	76.7%
TNG	SX Dệt may - Giày da	HaSTC	1.95	15,748	25.7%
THT	Khai khoáng	HaSTC	2.10	17,368	52.0%
VSP	Vận tải - Kho bãi	HaSTC	2.33	94,102	19.7%
NBC	Khai khoáng	HaSTC	2.35	25,628	51.4%
VTX	SX VLXD	HaSTC	2.43	21,940	58.1%
TDN	Khai khoáng	HaSTC	2.50	18,912	44.2%
ACL	SX Thủy sản	HoSE	2.59	14,800	49.5%
TJC	Vận tải - Kho bãi	HaSTC	2.60	18,856	25.3%
DAC	SX VLXD	HaSTC	2.62	25,651	46.8%
BHV	SX VLXD	HaSTC	2.68	20,431	39.4%
PPG	SX VLXD	HaSTC	2.76	14,394	24.9%
SMC	Thương mại (Bán lẻ)	HoSE	2.77	23,330	28.0%
VIS	SX Thép	HoSE	2.78	17,877	48.5%
SSM	Xây dựng	HaSTC	2.83	13,317	28.4%
NHC	SX VLXD	HoSE	2.84	15,856	59.9%
LTC	Xây dựng	HaSTC	2.87	22,375	18.2%
DBC	SX nông - lâm - ngư nghiệp	HaSTC	2.87	31,896	18.2%
TC6	Khai khoáng	HaSTC	2.93	16,813	53.0%

Top 10 cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn nhất năm 2008

Mã	Ngành trực thuộc	Sàn NY	Các chỉ số TC liên quan		
			Vốn hóa TT	Vốn CSH	ROE
VNM	SX Thực phẩm	HoSE	13,934	4,421	27.8%
ACB	Ngân hàng	HaSTC	13,695	7,761	32.9%
DPM	SX Dược phẩm	HoSE	11,759	4,682	29.5%
HAG	Bất động sản	HoSE	9,890	3,729	20.5%
STB	Ngân hàng	HoSE	8,850	5,978	17.9%
PVF	Chứng khoán	HoSE	8,700	6,056	0.8%
PVD	Khai khoáng	HoSE	7,798	2,117	44.3%
FPT	Thương mại (Bán lẻ)	HoSE	6,728	2,382	44.3%
PPC	Tiện ích công cộng	HoSE	6,666	3,437	-6.0%
HPG	SX Thép	HoSE	5,734	4,063	21.0%

Ghi chú:

- Nguồn số liệu: VietstockFinance
- EPS: chỉ tiêu EPS được xác định dựa vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ (theo nguyên tắc thận trọng vì thông thường chỉ tiêu EPS tính theo cách này sẽ thấp hơn cách tính EPS sử dụng Khối lượng CP Đang lưu hành bình quân).

Khuyến cáo

Báo cáo này được phát hành bởi Công ty Cổ phần Tài Việt - Vietstock. Báo cáo thể hiện quan điểm của người viết dựa trên những thông tin tính đến thời điểm thực hiện. Người viết không có bất kỳ lợi ích nào liên quan đến việc đưa ra các khuyến nghị và quan điểm trong bản báo cáo.

Thông tin trong bản báo cáo được lấy từ những nguồn được xem là đáng tin cậy và hợp lý. Vietstock không đảm bảo hoặc đưa ra lời giới thiệu cũng như không có trách nhiệm và nghĩa vụ cho tính chính xác, đầy đủ và toàn diện của nguồn tin. Việc quyết định và chịu trách nhiệm để đầu tư là trách nhiệm của người đọc báo cáo này.

Báo cáo này là tài sản của Vietstock, mọi yêu cầu hoặc góp ý liên quan đến báo cáo này xin liên hệ với Phòng Nghiên cứu. Không một phần nào trong báo cáo này được phép làm lại, sửa chữa, sao chép dưới mọi hình thức mà chưa có ý kiến của Vietstock.